

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 35/2018/HNGĐ-PT
Ngày 09-11-2018
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Lại Anh Vân.

Ông Bùi Đăng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T H, xã Q Tr, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: Thôn H Ph, xã Th Th, huyện V B, Thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1991. Có mặt.

HKTT và chỗ ở: Thôn T H, xã Q Tr, huyện TK, tỉnh Hải Dương

3. Những người làm chứng:

- Ông Bùi Công S - Sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H Ph, xã Th Th, huyện V B, Thành phố Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1962. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T H, xã Q Tr, huyện TK, tỉnh Hải Dương

4. Người kháng cáo: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKT: Thôn T H, xã Q Tr, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: Thôn H Ph, xã Th Th, huyện V B, Thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã QTr, huyện T K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh Ngh tại xã Q Tr, huyện T K được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp, hay xảy ra xô xát; anh Ngh và gia đình khắt khe, không tôn trọng chị. Tháng 6 năm 2018, anh Ngh đánh đuổi chị về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại xã Thắng Th, huyện V B, thành phố Hải Phòng để ở. Anh Ngh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tháng 6 năm 2018 anh phát hiện chị M thiếu chung thủy với anh tại nơi chị M thuê trọ nên anh có tát chị M 2 cái và đuổi về nhà bố mẹ đẻ chị M. Cả chị M và anh Ngh đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho vợ chồng anh chị ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh Ngh có 01 con là Nguyễn Công T A, sinh ngày 08/5/2014, hiện anh Ngh đang nuôi con. Chị M đề nghị, giao con cho chị nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Ngh phải cấp dưỡng cho con. Hiện chị ở cùng bố mẹ đẻ, làm công nhân, thu nhập ổn định khoảng 7 triệu đồng/tháng, bố mẹ chị sẽ giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con. Anh Ngh đề nghị sau khi ly hôn giao con cho anh nuôi dưỡng vì từ tháng 4/2018 chị M ra ngoài thuê nhà trọ, chị không quan tâm đến con, con chỉ do anh và ông bà nội chăm sóc; hiện anh làm công nhân, thu nhập ổn định từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng và ở cùng bố mẹ đẻ của anh, được ông bà giúp đỡ trong việc chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị M, anh Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị của ông Bùi Công S là bố đẻ chị M trình bày: Do vợ chồng mâu thuẫn, anh Ngh đánh chị M nên chị đã về ở cùng với ông bà tại thôn H Ph, xã Th Th, huyện V B từ tháng 6/2018, từ đó anh Ngh không cho chị M thăm con. Ông đề nghị, Tòa án giải quyết cho chị M ly hôn anh Ngh; giao con cho chị M nuôi dưỡng, gia đình ông sẽ giúp đỡ chị M trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Tại lời khai bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Ngh trình bày: Anh Ngh, chị M có 01 con chung đúng như anh chị đã trình bày, kể từ khi cháu T A sinh ra đến nay, khi anh Ngh, chị M đi làm đều do vợ chồng bà chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Từ tháng 4/2018, chị M ra ngoài thuê nhà trọ ở lại nơi làm, chị rất ít về

thăm con; việc học hành của cháu do vợ chồng bà đưa đón, chiều tối anh Ngh đi làm về chăm sóc, bảo ban và ngủ cùng con. Nếu anh Ngh, chị M ly hôn bà đề nghị giao con cho anh Nghiệp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho cháu; vợ chồng bà sẽ giúp đỡ anh Ngh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn Ngh.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Ngh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Công T A, sinh ngày 08/5/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng cho con. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2018 chị Bùi Thị M kháng cáo bản án. Đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Công T A. Kèm theo đơn kháng cáo là bức ảnh chụp con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Chị xác định thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, do chị mới chuyển công ty mới cho gần nhà nên chưa được lĩnh lương tháng nên chưa có xác nhận thu nhập cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn anh Ngh không chấp nhận nội dung kháng cáo và cho rằng hiện nay con chung đang sinh sống ổn định cùng với anh và gia đình, anh đi làm sáng đi tối về, đủ điều kiện về kinh tế và tinh thần cho con chung.

Người làm chứng, ông Bùi Công S khai: đề nghị Tòa án giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung, gia đình ông có trách nhiệm hỗ trợ chị M trong việc nuôi con. Bà Nguyễn Thị N khai: Hiện cháu T A đang sinh sống ổn định cùng với anh Ngh và gia đình bà, tránh việc làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của cháu Tuấn A, đề nghị Tòa án giao cho anh Ngh trực tiếp nuôi con, gia đình bà hỗ trợ anh Ngh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị M, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, giao cho anh Nguyễn Văn Ngh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Công T A và chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng cho con. Về án phí phúc thẩm: Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị M gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo của chị M là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Bùi Thị M về việc nuôi con chung.

[2.1] Chị M cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thu thập chứng cứ và công bố tại phiên tòa nên chị mới biết, các chứng cứ này gây bất lợi cho chị nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã giao con chung cho anh Ngh nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền lợi của chị. HĐXX xét thấy: Sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã thu thập bổ sung chứng cứ gồm lời khai của những người làm chứng, biên bản xác minh tại UBND xã Q Tr và Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã thông báo về việc thu thập chứng cứ cho các đương sự được biết. Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công bố, xem xét, đánh giá toàn diện tại phiên tòa sơ thẩm, như vậy là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về việc nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Chị M và anh Ngh có 01 con là Nguyễn Công T A, sinh ngày 08/5/2014, đang ở với anh Ngh. Cả chị M, anh Ngh đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Hiện chị M ở cùng bố mẹ đẻ tại huyện V B, Thành phố Hải Phòng, làm công nhân, thu nhập ổn định khoảng 7 triệu đồng/tháng nhưng thời gian gần đây mới chuyển công ty khác cho gần nhà và là tháng đầu đi làm nên chưa có xác nhận thu nhập. Anh Ngh ở cùng bố mẹ đẻ tại huyện T K, tỉnh Hải Dương, làm công nhân, thu nhập ổn định từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng. Kể từ khi con chung Nguyễn Công T A được sinh ra, ngoài việc được chị M, anh Ngh chăm sóc thì cơ bản con chung được sự chăm sóc trực tiếp của ông bà nội. Từ tháng 4 năm 2018 chị M ra ngoài thuê nhà trọ thì con chung được anh Ngh và ông bà nội trực tiếp chăm sóc, hiện cháu đang học lớp 4 tuổi tại Trường mầm non xã Q Tr, cháu vẫn khỏe mạnh, học tập, phát triển bình thường, không có biểu hiện bất thường gì về mặt tâm lý; hàng ngày được ông hoặc bà nội đưa đón đi học, chiều tối anh Ngh đi làm về thì lại chăm sóc, dạy dỗ con chung. Căn cứ lời khai của những người làm chứng, biên bản xác minh tại địa phương và căn

cứ vào điều kiện thực tế của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh sự xáo trộn về cuộc sống của con chung. Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng cho con là phù hợp. Chị Bùi Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được các chứng cứ mới chứng minh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn anh Ngh. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị M. Bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã xét xử là đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị M không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình).

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị M. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Ngh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Công T A, sinh ngày 08/5/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Ngh không yêu cầu chị Bùi Thị M phải cấp dưỡng cho con.

Chị Bùi Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (Hôn nhân và gia đình) phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000653 ngày 14/9/2018.

4. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân